



jiān fēng

尖峰

noun · peak; summit

Example Sentences

Zhè zuò shān de jiān fēng hěn gāo

这座山的尖峰很高。

The peak of this mountain is very high.

Xiàn zài shì jiāo tōng jiān fēng shí duàn lù shàng hěn dǔ

现在是交通尖峰时段，路上很堵。

It's now the traffic peak period, and the roads are very congested.

Trace each character, then write the word on your own.

尖	尖	尖	尖	尖	尖	尖	尖	尖		
峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰
峰	峰									